TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày: 14 - 02- 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Đinh Văn Tân, bà Trần Thị Dần.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên toà: Không

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H; sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt chị T (Chị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/9/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết chị H thấy chị T có liên kết với trường lái ở Hòa Bình mở nhiều lớp học lái xe ô tô nên chị H và 06 người khác (Do chị H đứng ra nộp tiền) có chuyển tiền cho chị T để nhờ chị T đăng ký học và thi bằng lái xe ô tô. Từ tháng 11/2022 đến tháng 3/2023, chị đã 09 lần chuyển khoản và đưa tiền mặt cho chị T cụ thể như sau:

+ Ngày 20/11/2022: 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng);

+ Ngày 10/02/2023: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng);

+ Ngày 15/02/2023: 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng);

+ Ngày 20/02/2023: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng);

+ Ngày 01/3/2023: 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng);

+ Ngày 03/3/2023: 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng);

+ Ngày 05/3/2023: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng);

+ Ngày 07/3/2023: 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng);

+ Ngày 16/3/2023: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Tổng số tiền là 105.000.000 đồng (Một trăm linh năm triệu đồng).

Chị T có cho chị và những người khác đi học được 03 buổi và đã trừ chi phí học số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng còn lại số tiền 98.000.000 đồng (Chín mươi tám triệu đồng). Chị H đã đòi lại số tiền trên nhiều lần nhưng không được. Ngày 06/02/2024 chị T có biết giấy nợ tiền với tổng số tiền là 98.000.000 đồng (Chín mươi tám triệu đồng) và hẹn 45 ngày sau sẽ hoàn tất lại toàn bộ số tiền trên.

Sau nhiều lần đòi tiền chị T đã trả cho chị số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Ngày 14/7/2024 chị T có viết giấy vay nợ tiền còn nợ lại chị H số tiền gốc là 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng) và 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để hỗ trợ tiền lãi cho chị H.

Nay chị yêu cầu chị T phải thanh toán số tiền gốc là 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng) và số tiền lãi 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng cả gốc và lãi số tiền là 81.000.000 đồng (T1 mươi mốt triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 04/11/2024, bị đơn chị Bùi Thị T trình bày: Trong quá trình quen biết giữa chị và chị Bùi Thị H, chị em có chơi với nhau nên chị đã nhận giúp chị H nộp 06 bộ hồ sơ lái xe ra trường lái ở L, tỉnh Hòa Bình. Trong thời gian nộp hồ sơ cũng có giáo viên dạy nhưng do trường lái bị đình chỉ để điều tra và không được thi nữa nên chị H có nhờ chị rút hồ sơ. Trong quá trình rút hồ sơ chị đã hoàn trả lại cho chị H tiền và còn nợ lại số tiền 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng) và số tiền hỗ trợ lãi là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), chị có hẹn với chị H đến ngày 15/9/2024 sẽ thanh toán số tiền trên.

Tuy nhiên, hiện nay chị đang gặp khó khăn, công việc không ổn định, công nợ không lấy được nên chị mong chị H giúp đỡ đến ngày 20/12/2024 sẽ trả số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu chị Bùi Thị T trả số tiền là 81.000.000 đồng (T1 mươi mốt triệu đồng) theo khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng

dân sự (BLTTDS) đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị Bùi Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng chị T vắng mặt không có lí do, tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt chị T và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Chị T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhiều lần nhưng chị T đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị T đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng chị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại giấy vay nợ ngày 14/7/2024 thể hiện: Chị Bùi Thị T có nợ chị Bùi Thị H 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng) và số tiền hỗ trợ lãi là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Không có lãi suất. Thời hạn trả nợ chia thành 02 lần lần đầu ngày 15/8/2024 trả số tiền 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng). Ngày 15/9/2024 trả số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền lãi. Như vậy đây là hợp đồng dân sự không trái với quy định của pháp luật. Là hợp đồng hợp pháp.

[3] Về yêu cầu trả tiền:

- Về yêu cầu trả tiền gốc: Tại giấy vay nợ ngày 14/7/2024 thể hiện: Chị Bùi Thị T có nợ chị Bùi Thị H 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng) và số tiền hỗ trợ lãi là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Không có lãi suất. Thời hạn trả nợ chia thành 02 lần lần đầu ngày 15/8/2024 trả số tiền 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng). Ngày 15/9/2024 trả số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền lãi. Đến hạn trả nợ nhưng chị T không trả được nợ cho chị H. Như vậy chị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy yêu cầu trả tiền nợ của chị H là có sơ sở nên được chấp nhận. Buộc chị T phải trả cho chị H số tiền gốc là 76.000.000 đồng (Bảy mươi sau triệu đồng) là đúng quy định của pháp luật.

- Về tiền lãi: Tại giấy vay nợ ngày 14/7/2024 thể hiện chị T hỗ trợ trả lãi cho chị H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Chị H cũng yêu cầu chị T thanh toán số tiền nợ theo như giấy vay nợ ngày 14/7/2024 và không yêu cầu tính lãi gì. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T và chị H nên khoản tiền lãi này được chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Do yêu cầu của chị Bùi Thị H được chấp nhận nên chị Bùi Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật số tiền là 4.050.000 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Bùi Thị H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357; 463; 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự. điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc chị Bùi Thị T phải trả cho chị Bùi Thị H số tiền 81.000.000 đồng (T1 mươi mốt triệu đồng).

Trong đó tiền gốc là 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày chị Bùi Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị Bùi Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Chị Bùi Thị T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là **4.050.000** đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho chị Bùi Thị H số tiền là **2.000.000 đồng** (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0002425 ngày 24/10/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Bùi Thị H, vắng mặt chị Bùi Thị T. Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn